

Số: /TM-KSBT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026.

## **THƯ MỜI BÁO GIÁ**

( Gói mua sắm Thuốc phục vụ hoạt động điều trị và tử thuốc cấp cứu của  
khoa Sức khỏe sinh sản năm 2026 -Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng)

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá hàng hóa, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp Gói mua sắm Thuốc phục vụ hoạt động điều trị và tử thuốc cấp cứu của khoa Sức khỏe sinh sản với nội dung như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng. Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược - Vật tư y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng;

SĐT: 0225.3842.878, Email: duoc.cdchp@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 84 Nguyễn Tất Tố, phường Lê Chân, Hải Phòng.

- Nhận qua email: duoc.cdchp@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 22 tháng 01 năm 2026, đến trước 17h ngày 01 tháng 02 năm 2026.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục chi tiết tại phụ lục kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng.

3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Vậy Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng kính mời các đơn vị gửi báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng cảm ơn!

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đăng tải trên HTMĐTQG;
- TTGDSK (đăng tải trên website đơn vị);
- HĐMS; TCKT; SKSS;
- Lưu: VT, D-VTYT (Long)

**GIÁM ĐỐC**

**Đồng Trung Kiên**

## PHỤ LỤC I: DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng)

| T T | Tên thuốc     | Nồng độ/hàm lượng                                                                   | Quy cách đóng gói | Đường dùng       | Dạng bào chế          | ĐVT  | Số lượng |
|-----|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|-----------------------|------|----------|
| 1   | Paracetamol   | 80 mg                                                                               | Vi x10 viên       | Đặt hậu môn      | Viên đạn              | Viên | 10       |
| 2   | Paracetamol   | 150 mg                                                                              | Vi x10 viên       | Đặt hậu môn      | Viên đạn              | Viên | 20       |
| 3   | Paracetamol   | 500 mg                                                                              | Vi x10 viên       | Uống             | Viên nén              | Viên | 30       |
| 4   | Paracetamol   | 650 mg                                                                              | Vi x10 viên       | Uống             | Viên nén              | Viên | 2.600    |
| 5   | Ampicilin     | 500 mg                                                                              | Vi x10 viên       | Uống             | Viên nang             | Viên | 20       |
| 6   | Erythromycin  | 250 mg                                                                              | Vi x10 viên       | Uống             | Viên nang             | Viên | 20       |
| 7   | Gentamycin    | 80mg/ml                                                                             | Hộp 10 ống        | Tiêm             | Dung dịch tiêm        | Ống  | 10       |
| 8   | Glucose       | 5%                                                                                  | Chai 500ml        | Truyền tĩnh mạch | Dung dịch tiêm truyền | Chai | 7        |
| 9   | Natri Clorid  | 0,9%                                                                                | Chai 500ml        | Truyền tĩnh mạch | Dung dịch tiêm truyền | Chai | 5        |
| 10  | Ringer lactat | Natri clorid 3g;Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid.2H2O 0,135g 500ml | Chai 500ml        | Truyền tĩnh mạch | Dung dịch tiêm truyền | Chai | 7        |
| 11  | Nifedipin     | 10 mg                                                                               | Vi x10 viên       | Uống             | Viên nang             | Viên | 10       |

|    |                    |                               |                      |                   |                   |           |       |
|----|--------------------|-------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------|-----------|-------|
| 12 | Oxytocin           | 5 UI/1ml                      | hộp x 02 vi x 05 ống | Tiêm bắp/ TM chậm | Dung dịch tiêm    | Ống       | 20    |
| 13 | Misoprostol        | 200mcg                        | Vi x10 viên          | Uống, ngâm        | Viên nén          | Viên      | 10    |
| 14 | Magnesi sulfat     | 15%                           | Hộp 1 vi x 10 ống    | Tiêm              | Dung dịch tiêm    | Ống       | 10    |
| 15 | Nirpid 10%         | 10% x 250ml                   | Túi, chai            | Truyền tĩnh mạch  | Nhũ tương         | Túi, chai | 2     |
| 16 | Adrelinin          | 1mg/ml                        | Vi x10 ống           | Tiêm              | Dung dịch tiêm    | Ống       | 10    |
| 17 | Transamin          | 250mg/5ml                     | Vi x 10 ống          | Tiêm              | Dung dịch tiêm    | Ống       | 5     |
| 18 | Dimedrol           | 10mg/1ml                      | Vi x10 ống           | Tiêm              | Dung dịch tiêm    | Ống       | 10    |
| 19 | Đường Glucose      | Glucose Monohydrate túi 0,5kg | 500g/Túi             | Uống              | Bột mịn           | Kg        | 50    |
| 20 | Methylprednisolone | 40mg                          | Hộp 1 lọ             | Tiêm              | Bột pha tiêm      | Lọ        | 2     |
| 21 | Diphenhydramin     | 10mg/1ml                      | Vi x10 ống           | Tiêm              | Dung dịch tiêm    | Ống       | 5     |
| 22 | Lidocain           | 40mg/2ml                      | Hộp 100 ống          | Tiêm              | Dung dịch tiêm    | Ống       | 2.600 |
| 23 | Nước cất           | Nước cất 5ml                  | Hộp 50 ống           | Tiêm              | Dung môi pha tiêm | Ống       | 1.500 |

## PHỤ LỤC II: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM-KSBT ngày tháng năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật thành phố Hải Phòng)

**Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hải Phòng và khả năng cung ứng của Công ty, chúng tôi ...[Ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh], xin gửi báo giá như sau:

1. Báo giá cho hàng hóa liên quan:

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất | Thông số kỹ thuật | Mã HS | Năm sản xuất | Xuất xứ | Quy cách | ĐVT | Số lượng/ Khối lượng | Đơn giá (VNĐ) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|-------------------|-----------------------------------------|-------------------|-------|--------------|---------|----------|-----|----------------------|---------------|-----------------------------------------|----------------------------------|------------------|
| 1   |                   |                                         |                   |       |              |         |          |     |                      |               |                                         |                                  |                  |
| 2   |                   |                                         |                   |       |              |         |          |     |                      |               |                                         |                                  |                  |
| n   | .....             |                                         |                   |       |              |         |          |     |                      |               |                                         |                                  |                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ...ngày, kể từ ngày.... tháng...năm ....[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày kể từ ngày...]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

...., ngày.....tháng.....năm

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu)

